

Số: 422/TB-TCT

Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2021

## THÔNG BÁO

Về việc tiếp nhận văn bản đề nghị ký hợp đồng của tổ chức cung cấp dịch vụ nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu hóa đơn điện tử

- Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;  
- Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;  
- Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;  
- Căn cứ Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ;

- Căn cứ Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17/09/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ;

- Căn cứ Quyết định số 1450/QĐ-TCT ngày 07/10/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế quy định về thành phần chứa dữ liệu hóa đơn điện tử và phương thức truyền nhận với cơ quan thuế;

Tổng cục Thuế thông báo tiếp nhận đề nghị của tổ chức cung cấp dịch vụ nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu hóa đơn điện tử đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 78/2021/TT-BTC để ký hợp đồng cung cấp dịch vụ nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu hóa đơn điện tử, cụ thể như sau:

**1. Thời gian tiếp nhận:** Từ ngày 15/10/2021 đến ngày 26/10/2021 (Sáng từ 8h30 đến 11h30; chiều từ 13h30 đến 17h00 hàng ngày, không bao gồm Thứ 7, Chủ nhật).

**2. Hồ sơ đề nghị ký hợp đồng bao gồm:**

- Văn bản đề nghị ký hợp đồng cung cấp dịch vụ nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu hóa đơn điện tử của tổ chức;

- Hồ sơ chứng minh đáp ứng các tiêu chí đối với các tổ chức cung cấp dịch vụ nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 78/2021/TT-BTC. Bộ cục trình bày và nội dung hồ sơ chứng minh theo hướng dẫn tại Phụ lục đính kèm.

**3. Địa chỉ nhận hồ sơ:** Cục Công nghệ thông tin - Tổng cục Thuế, số 123 Lò

M

Đúc, Phường Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

**4. Lộ trình lựa chọn tổ chức để ký hợp đồng cung cấp dịch vụ nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu hóa đơn điện tử:**


Để khuyến khích các tổ chức, cá nhân có nhu cầu triển khai hóa đơn điện tử trước ngày 01/7/2022 theo quy định của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, trên cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin hiện có của ngành Thuế, Tổng cục Thuế lựa chọn tối đa 20 tổ chức đáp ứng đủ các tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 78/2021/TT-BTC trong số các tổ chức có văn bản đề nghị ký hợp đồng cung cấp dịch vụ nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu hóa đơn điện tử để triển khai tại 06 tỉnh/thành phố Hà Nội, TP. HCM, Quảng Ninh, Hải Phòng, Phú Thọ và Bình Định. Trường hợp số lượng tổ chức đề nghị ký hợp đồng đáp ứng đủ các tiêu chí vượt quá 20 tổ chức, Tổng cục Thuế căn cứ vào thông tin số lượng khách hàng đang sử dụng dịch vụ hoá đơn điện tử của tổ chức tính đến ngày 31/8/2021 (theo thông tin quản lý của cơ quan thuế) để lựa chọn tổ chức có số lượng khách hàng lớn.

Trong thời gian tới, Tổng cục Thuế tiếp tục nâng cấp hạ tầng kỹ thuật hệ thống hoá đơn điện tử để sẵn sàng tiếp nhận đề nghị ký hợp đồng và kết nối với tất cả các tổ chức cung cấp dịch vụ hoá đơn điện tử đáp ứng đủ các tiêu chí theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 78/2021/TT-BTC từ ngày 01/7/2022. Thông tin cụ thể về việc tiếp nhận văn bản đề nghị ký hợp đồng cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử Tổng cục Thuế sẽ tiếp tục thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.


Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời gian tiếp nhận hồ sơ đề nghị tại mục 1 nêu trên, Tổng cục Thuế thông báo công khai danh sách các tổ chức có hồ sơ đáp ứng đủ các tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 78/2021/TT-BTC trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế. Danh sách tổ chức được sắp xếp theo thứ tự tổ chức có số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ hóa đơn điện tử từ lớn đến bé (theo thông tin quản lý của cơ quan thuế tính đến ngày 31/8/2021). Trường hợp hồ sơ đề nghị của tổ chức không đáp ứng, Tổng cục Thuế sẽ thông báo đến tổ chức và nêu rõ lý do.

Tổng cục Thuế phối hợp với tổ chức có tên trong danh sách nêu trên (hoặc 20 tổ chức đầu tiên trong danh sách đối với trường hợp số lượng tổ chức vượt quá 20) để thực hiện kết nối kỹ thuật và kiểm thử truyền, nhận dữ liệu giữa hai bên từ ngày 28/10/2021 đến ngày 04/11/2021. Sau khi kết nối thành công, Tổng cục Thuế và tổ chức ký hợp đồng cung cấp dịch vụ nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu hóa đơn với cơ quan thuế. Trường hợp chưa đủ số lượng 20 tổ chức ký hợp đồng cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử, Tổng cục Thuế sẽ gửi văn bản đến các tổ chức tiếp theo trong

danh sách đã công khai trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để thực hiện kết nối kỹ thuật, kiểm thử hệ thống và ký hợp đồng.

Tổng cục Thuế thông báo để các tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử biết và gửi văn bản đề nghị khi có nhu cầu. 

*Nơi nhận:* 

- Tổng cục trưởng (để b/c);
- Cục Thuế các tỉnh/thành phố;
- Thành viên Ban chỉ đạo, Tổ thường trực theo Quyết định số 1309/QĐ-TCT (để thực hiện);
- Các Vụ/ đơn vị: KK, TTHT, CS, VP, PC, DNNCN, DNL, TVQT, TTKT, QLN, QLRR, CNTT (để p/h);
- Website Tổng cục Thuế;
- Lưu: VT, CNTT. 

**TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG  
CỤC TRƯỞNG CỤC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**



**Phạm Quang Toàn**

**Phụ lục**  
**HƯỚNG DẪN NỘI DUNG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KÝ HỢP ĐỒNG CỦA TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ**  
**NHẬN, TRUYỀN, LƯU TRỮ DỮ LIỆU HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ VỚI TỔNG CỤC THUẾ**  
*(Kèm theo Thông báo số 422 /TB-TCT ngày 08/10/2021 của Tổng cục Thuế)*

STT	Nội dung hồ sơ	Yêu cầu cần đáp ứng	
		Yêu cầu trình bày tại hồ sơ chứng minh đáp ứng	Yêu cầu chứng minh thực tế
<b>1</b>	<b>Về chủ thể (theo điểm a khoản 2 Điều 10 Thông tư số 78/2021/TT-BTC)</b>		
1.1	Là tổ chức được thành lập theo pháp luật Việt Nam, có tối thiểu 05 năm hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin.	<p>Có bản sao công chứng Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định, trong đó có ngành nghề kinh doanh là lĩnh vực công nghệ thông tin. Trường hợp trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp không thể hiện ngành nghề kinh doanh, đơn vị phải nộp bản sao công chứng Giấy xác nhận thông tin doanh nghiệp, trong đó có ngành nghề kinh doanh là lĩnh vực công nghệ thông tin.</p> <p>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực CNTT tối thiểu 5 năm được chứng minh bằng thời gian đủ 05 năm (60 tháng) tính từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy đăng ký kinh doanh trong đó có ngành nghề kinh doanh là lĩnh vực CNTT đến ngày nộp hồ sơ đề nghị ký hợp đồng.</p>	
1.2	Thông tin về dịch vụ hóa đơn điện tử được công khai trên trang thông tin điện tử của tổ chức	Tổ chức cung cấp địa chỉ trang thông tin điện tử của đơn vị và trình bày về nội dung chuyên mục dịch vụ hóa đơn điện tử đã đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị. Thông tin về dịch vụ hóa đơn điện tử bao gồm: Phạm vi cung cấp	

30 W

STT	Nội dung hồ sơ	Yêu cầu cần đáp ứng	
		Yêu cầu trình bày tại hồ sơ chứng minh đáp ứng	Yêu cầu chứng minh thực tế
		dịch vụ; Tính năng của dịch vụ; Thời gian cung cấp dịch vụ;	
2	<b>Về tài chính</b> (theo điểm b khoản 2 Điều 10 Thông tư số 78/2021/TT-BTC)		
	Có ký quỹ tại một ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam hoặc có giấy bảo lãnh của một ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam với giá trị không dưới 5 tỷ đồng để giải quyết các rủi ro và bồi thường thiệt hại có thể xảy ra trong quá trình cung cấp dịch vụ	<p>Có văn bản ký quỹ/Giấy bảo lãnh của một ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam. Văn bản ký quỹ/Giấy bảo lãnh được coi là hợp lệ phải đáp ứng các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đúng tên đơn vị thụ hưởng là Tổng cục Thuế</li> <li>- Giá trị không dưới 05 tỷ đồng.</li> <li>- Thông tin Văn bản ký quỹ/Giấy bảo lãnh trong đó có các điều khoản cam kết thanh toán vô điều kiện và không hủy ngang cho Tổng cục Thuế bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn của khoản tiền bảo lãnh để giải quyết các rủi ro và các khoản đền bù có thể xảy ra trong quá trình cung cấp dịch vụ do lỗi của Tổ chức.</li> <li>- Thời gian hiệu lực ký quỹ/bảo lãnh tối thiểu 01 năm (12 tháng) kể từ ngày nộp hồ sơ đề nghị ký hợp đồng.</li> <li>- Đối với các đơn vị đủ điều kiện ký hợp đồng với Tổng cục Thuế, tổ chức phải có ký quỹ/giấy bảo lãnh của một ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam với giá trị không dưới 05 tỷ đồng và thời gian bảo lãnh tối thiểu 03 năm (36 tháng) kể từ ngày ký hợp đồng.</li> </ul>	
3	<b>Về nhân sự</b> (theo điểm c khoản 2 Điều 10 Thông tư số 78/2021/TT-BTC)		
	Có tối thiểu 20 nhân sự trình độ đại học chuyên ngành về công nghệ thông tin	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảng thống kê danh sách tối thiểu 20 nhân sự của đơn vị có tốt nghiệp đại học chuyên ngành về công nghệ thông tin.</li> <li>- Bản sao công chứng bằng tốt nghiệp đại học của 20 nhân sự nêu trên và hợp đồng lao động còn hiệu lực của các cá</li> </ul>	Trong trường hợp cần thiết, Tổng cục Thuế có thể yêu cầu đối chiếu trực tiếp hồ sơ chứng minh với

STT	Nội dung hồ sơ	Yêu cầu cần đáp ứng	
		Yêu cầu trình bày tại hồ sơ chứng minh đáp ứng	Yêu cầu chứng minh thực tế
		nhân ký với tổ chức	bản gốc hợp đồng lao động của nhân sự tại tổ chức.
<b>4</b>	<b>Về kỹ thuật (theo điểm d khoản 2 Điều 10 Thông tư số 78/2021/TT-BTC)</b>		
4.1	Cung cấp giải pháp khởi tạo, xử lý, lưu trữ dữ liệu hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo quy định của pháp luật về hoá đơn điện tử và pháp luật khác có liên quan. Cụ thể như sau:		
4.1.1	Có phần mềm hỗ trợ việc lập hóa đơn điện tử	Mô tả các chức năng chính của phần mềm hỗ trợ việc lập hóa đơn điện tử bao gồm: lập hoá đơn giá trị gia tăng, hoá đơn bán hàng, các loại hóa đơn khác (nếu có); ký số hoá đơn; gửi hoá đơn đến cơ quan thuế để cấp mã cho hoá đơn có mã của cơ quan thuế.	Đối soát mô tả các chức năng lập hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế trong hồ sơ chứng minh với thực tế chức năng trên hệ thống cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử của tổ chức
4.1.2	Cam kết đáp ứng việc lập hóa đơn theo quy định của pháp luật về hóa đơn điện tử và pháp luật khác có liên quan bao gồm: - Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hoá đơn, chứng từ - Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày	Cam kết đáp ứng việc lập hóa đơn theo quy định của pháp luật về hóa đơn điện tử và pháp luật khác có liên quan	

STT	Nội dung hồ sơ	Yêu cầu cần đáp ứng	
		Yêu cầu trình bày tại hồ sơ chứng minh đáp ứng	Yêu cầu chứng minh thực tế
	<p>17/9/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 123/2020/NĐ-CP</p> <p>- Quyết định số 1450/QĐ-TCT ngày 07/10/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế về thành phần dữ liệu hóa đơn điện tử và phương thức truyền nhận với cơ quan thuế</p> <p>- Nghị định 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 quy định chi tiết thi hành luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số</p> <p>- Thông tư số 22/2020/TT-BTTTT ngày 07/9/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về yêu cầu kỹ thuật đối với phần mềm ký số, phần mềm kiểm tra chữ ký số.</p>		
4.2	<p>Có giải pháp kết nối, nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu về hóa đơn điện tử với tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế và không có mã của cơ quan thuế cho người bán và người mua; giải pháp kết nối nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu hóa đơn điện tử với cơ quan thuế. Thông tin quá trình nhận, truyền dữ liệu phải được ghi nhật ký để phục vụ công tác đối soát.</p>		

STT	Nội dung hồ sơ	Yêu cầu cần đáp ứng	
		Yêu cầu trình bày tại hồ sơ chứng minh đáp ứng	Yêu cầu chứng minh thực tế
	Cụ thể như sau:		
4.2.1	Có giải pháp kết nối nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu về hóa đơn điện tử với cơ quan thuế	Mô tả giải pháp kết nối nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu về hóa đơn điện tử với cơ quan thuế	Đối soát mô tả giải pháp trong hồ sơ chứng minh với thực tế giải pháp trên hệ thống cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử của tổ chức
4.2.2	Có giải pháp kết nối, nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu về hóa đơn điện tử với tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử có mã và không có mã của cơ quan thuế cho người bán và người mua	Mô tả giải pháp kết nối, nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu về hóa đơn điện tử với tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử có mã và không có mã của cơ quan thuế cho người bán và người mua	
4.2.3	Có giải pháp lưu nhật ký truyền nhận	Mô tả giải pháp lưu nhật ký truyền nhận	
4.3	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử được vận hành trên môi trường trung tâm dữ liệu chính và trung tâm dữ liệu dự phòng. Trung tâm dự phòng cách xa trung tâm dữ liệu chính tối thiểu 20km và sẵn sàng hoạt động khi hệ thống chính gặp sự cố. Cụ thể như sau:		
4.3.1	Hạ tầng kỹ thuật cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử bao gồm: máy chủ, lưu trữ dữ liệu, mạng nội bộ, an toàn thông tin được triển khai tại Trung tâm dữ liệu (TTDL) chính và TTDL dự phòng.	+ Mô tả cụ thể về hạ tầng được trang bị tại TTDL chính và TTDL dự phòng để đảm bảo có tính dự phòng	Đối soát mô tả về hạ tầng TTDL chính và TTDL dự phòng trong hồ sơ chứng minh với thực tế hệ thống cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử của tổ chức
4.3.2	TTDL chính và TTDL dự phòng cách nhau tối thiểu 20km	+ Mô tả vị trí đặt TTDL chính và TTDL dự phòng	
4.3.3	Có kịch bản và quy trình chuyển đổi	+ Mô tả kịch bản và quy trình chuyển đổi hoạt động của hệ	



STT	Nội dung hồ sơ	Yêu cầu cần đáp ứng	
		Yêu cầu trình bày tại hồ sơ chứng minh đáp ứng	Yêu cầu chứng minh thực tế
	hoạt động của dịch vụ hóa đơn điện tử giữa TTDL chính và TTDL dự phòng, đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục	thông giữa TTDL chính và TTDL dự phòng	
4.4	Hệ thống có khả năng phát hiện, cảnh báo, ngăn chặn các truy nhập không hợp pháp, các hình thức tấn công trên môi trường mạng để đảm bảo tính bảo mật, toàn vẹn của dữ liệu trao đổi giữa các bên tham gia. Cụ thể như sau:		
4.4.1	Hệ thống phải có các giải pháp sau: - Thiết bị tường lửa. - Thiết bị phòng chống xâm nhập trái phép (IPS) - Phần mềm phòng chống virus	Mô tả cụ thể về giải pháp bảo mật hiện có tại TTDL chính và TTDL dự phòng	Đối soát mô tả giải pháp bảo mật tại TTDL chính và TTDL dự phòng trong hồ sơ chứng minh với thực tế hệ thống cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử của tổ chức
4.4.2	Hệ thống sử dụng các giao thức bảo mật để mã hóa dữ liệu trong quá trình truyền nhận thông tin với khách hàng và với Tổng cục Thuế.	Mô tả giải pháp để bảo mật dữ liệu trong quá trình truyền nhận	Đối soát mô tả giải pháp để bảo mật dữ liệu truyền nhận trong hồ sơ chứng minh với thực tế hệ thống cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử của tổ chức
4.4.3	Hệ thống phải được cấu hình để xác thực người dùng khi truy cập hệ thống	Mô tả giải pháp xác thực người dùng	Đối soát mô tả giải pháp xác thực người dùng trong hồ sơ chứng minh với thực tế hệ thống cung cấp dịch

STT	Nội dung hồ sơ	Yêu cầu cần đáp ứng	
		Yêu cầu trình bày tại hồ sơ chứng minh đáp ứng	Yêu cầu chứng minh thực tế
			vụ hóa đơn điện tử của tổ chức
4.5	Có hệ thống sao lưu, khôi phục dữ liệu cho phép sao lưu trực tuyến dữ liệu, thời gian lưu trữ các dữ liệu sao lưu trong vòng 30 ngày, có thể phục hồi dữ liệu khi có sự cố xảy ra.	Mô tả giải pháp sao lưu, khôi phục dữ liệu	Đối soát mô tả giải pháp sao lưu, khôi phục dữ liệu trong hồ sơ chứng minh với thực tế hệ thống cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử của tổ chức
4.6	Kết nối với Tổng cục Thuế thông qua kênh thuê riêng hoặc kênh MPLS VPN Layer 3 hoặc tương đương, gồm 1 kênh truyền chính và 2 kênh truyền dự phòng. Mỗi kênh truyền có băng thông tối thiểu 20 Mbps; sử dụng dịch vụ Web (Web Service) hoặc hàng đợi (Queue) có mã hóa làm phương thức để kết nối; sử dụng giao thức SOAP/TCP để đóng gói và truyền nhận dữ liệu. Cụ thể như sau:		
4.6.1	Có 03 kênh truyền vật lý khác nhau, đáp ứng tiêu chuẩn MPLS VPN Layer 3 hoặc tương đương, băng thông tối thiểu 20 Mbps	Mô tả hướng kết nối, tổ chức kết nối, đơn vị cung cấp của 03 kênh truyền đáp ứng tiêu chí.	Đối soát mô tả kênh truyền, kết nối trong hồ sơ chứng minh với thực tế hệ thống cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử của tổ chức
4.6.2	Có 02 kênh kết nối đến TTDL chính của Tổng cục Thuế của 2 nhà cung cấp dịch vụ mạng khác nhau.		

STT	Nội dung hồ sơ	Yêu cầu cần đáp ứng	
		Yêu cầu trình bày tại hồ sơ chứng minh đáp ứng	Yêu cầu chứng minh thực tế
4.6.3	Kênh kết nối dịch vụ sử dụng dịch vụ Web (Web Service)/API hoặc hàng đợi (Queue) có mã hóa	Mô tả giải pháp webservice/API hoặc hàng đợi queue có mã hóa đơn vị sử dụng	
4.6.4	Phương thức đóng gói và truyền nhận dữ liệu sử dụng giao thức SOAP/TCP.	Mô tả phương thức đóng gói và truyền nhận đơn vị sử dụng	
<b>5</b>	<b>Về tiêu chuẩn truyền nhận dữ liệu (theo quy định tại Quyết định số 1450/QĐ-TCT ngày 07/10/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế quy định về thành phần chứa dữ liệu hóa đơn điện tử và phương thức truyền nhận với cơ quan thuế)</b>		
5.1	Truyền nhận thông điệp đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế theo đúng quy định về thành phần dữ liệu hóa đơn điện tử và phương thức truyền nhận với cơ quan thuế.		
		Mô tả việc gửi thông điệp đến cơ quan thuế	Kiểm thử gửi thông điệp đến cơ quan thuế
		Mô tả việc tiếp nhận và xử lý phản hồi kỹ thuật về việc tiếp nhận thông điệp của cơ quan thuế đối với trường hợp thông điệp không hợp lệ.	Kiểm thử việc tiếp nhận thông điệp phản hồi kỹ thuật của cơ quan thuế
		Mô tả việc tiếp nhận và xử lý phản hồi kỹ thuật về việc tiếp nhận thông điệp của cơ quan thuế đối với trường hợp thông điệp hợp lệ.	
		Mô tả việc tiếp nhận và xử lý thông điệp “tiếp nhận/không tiếp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử của cơ quan thuế”	Kiểm thử việc tiếp nhận và xử lý thông điệp “tiếp nhận/không tiếp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử của cơ quan thuế”.
		Mô tả việc phản hồi kỹ thuật sau khi tiếp nhận thông điệp	Kiểm thử việc phản hồi

STT	Nội dung hồ sơ	Yêu cầu cần đáp ứng	
		Yêu cầu trình bày tại hồ sơ chứng minh đáp ứng	Yêu cầu chứng minh thực tế
		“tiếp nhận/không tiếp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử của cơ quan thuế” trong trường hợp thông điệp hợp lệ	sau khi tiếp nhận thông điệp “tiếp nhận/không tiếp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử của cơ quan thuế”
		Mô tả việc phản hồi kỹ thuật sau khi tiếp nhận thông điệp “tiếp nhận/không tiếp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử của cơ quan thuế” trong trường hợp thông điệp không hợp lệ.	
		Mô tả việc tiếp nhận và xử lý thông điệp “chấp nhận/không chấp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử của cơ quan thuế” trong trường hợp thông điệp hợp lệ	Kiểm thử việc tiếp nhận và xử lý thông điệp “chấp nhận/không chấp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử của cơ quan thuế”
		Mô tả việc phản hồi kỹ thuật sau khi tiếp nhận thông điệp “chấp nhận/không chấp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử của cơ quan thuế” trong trường hợp thông điệp không hợp lệ.	Kiểm thử việc phản hồi kỹ thuật sau khi tiếp nhận thông điệp “chấp nhận/không chấp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử của cơ quan thuế”
5.2	Truyền nhận thông điệp gửi dữ liệu hoá đơn giá trị gia tăng đến cơ quan thuế để cấp mã của cơ quan thuế theo đúng quy định về thành phần dữ liệu hóa đơn điện tử và phương thức truyền nhận với cơ quan thuế.		
		Mô tả việc gửi thông điệp đến cơ quan thuế để cấp mã hóa đơn	Kiểm thử gửi thông điệp đến cơ quan thuế
		Mô tả việc tiếp nhận và xử lý phản hồi kỹ thuật về việc tiếp	Kiểm thử về việc tiếp nhận

STT	Nội dung hồ sơ	Yêu cầu cần đáp ứng	
		Yêu cầu trình bày tại hồ sơ chứng minh đáp ứng	Yêu cầu chứng minh thực tế
		nhận thông điệp của cơ quan thuế đối với trường hợp thông điệp hợp lệ.	thông điệp phản hồi kỹ thuật của cơ quan thuế
		Mô tả việc tiếp nhận và xử lý phản hồi kỹ thuật về việc tiếp nhận thông điệp của cơ quan thuế đối với trường hợp thông điệp không hợp lệ.	
		Mô tả việc tiếp nhận và xử lý thông điệp thông báo kết quả kiểm tra dữ liệu hóa đơn điện tử của cơ quan thuế.	Kiểm thử việc tiếp nhận và xử lý thông điệp thông báo kết quả kiểm tra dữ liệu hóa đơn điện tử của cơ quan thuế.
		Mô tả việc tiếp nhận và xử lý thông điệp thông báo kết quả cấp mã hóa đơn điện tử của cơ quan thuế.	Kiểm thử việc tiếp nhận và xử lý thông điệp thông báo kết quả cấp mã hóa đơn điện tử của cơ quan thuế.
5.3	Truyền nhận thông điệp gửi dữ liệu hoá đơn bán hàng đến cơ quan thuế để cấp mã của cơ quan thuế theo đúng quy định về thành phần dữ liệu hóa đơn điện tử và phương thức truyền nhận với cơ quan thuế.		
		Mô tả việc gửi thông điệp đến cơ quan thuế để cấp mã hóa đơn	Kiểm thử gửi thông điệp đến cơ quan thuế
		Mô tả việc tiếp nhận và xử lý thông điệp thông báo kết quả kiểm tra dữ liệu hóa đơn điện tử của cơ quan thuế.	Kiểm thử việc tiếp nhận và xử lý thông điệp thông báo kết quả kiểm tra dữ liệu hóa đơn điện tử của cơ

STT	Nội dung hồ sơ	Yêu cầu cần đáp ứng	
		Yêu cầu trình bày tại hồ sơ chứng minh đáp ứng	Yêu cầu chứng minh thực tế
			quan thuế.
		Mô tả việc tiếp nhận và xử lý thông điệp thông báo kết quả cấp mã hóa đơn điện tử của cơ quan thuế.	Kiểm thử việc tiếp nhận và xử lý thông điệp thông báo kết quả cấp mã hóa đơn điện tử của cơ quan thuế.
5.4	Truyền nhận thông điệp gửi dữ liệu các loại hóa đơn khác (nếu có) đến cơ quan thuế để cấp mã của cơ quan thuế theo đúng quy định về thành phần dữ liệu hóa đơn điện tử và phương thức truyền nhận với cơ quan thuế.		
		Mô tả việc gửi thông điệp đến cơ quan thuế để cấp mã hóa đơn	Kiểm thử gửi thông điệp đến cơ quan thuế
		Mô tả việc tiếp nhận và xử lý thông điệp thông báo kết quả kiểm tra dữ liệu hóa đơn điện tử của cơ quan thuế.	Kiểm thử việc tiếp nhận và xử lý thông điệp thông báo kết quả kiểm tra dữ liệu hóa đơn điện tử của cơ quan thuế.
		Mô tả việc tiếp nhận và xử lý thông điệp thông báo kết quả cấp mã hóa đơn điện tử của cơ quan thuế.	Kiểm thử việc tiếp nhận và xử lý thông điệp thông báo kết quả cấp mã hóa đơn điện tử của cơ quan thuế.
5.5	Truyền nhận thông điệp gửi dữ liệu hoá đơn giá trị gia tăng không mã đến cơ quan thuế theo đúng quy định về thành phần dữ liệu hóa đơn điện tử và	Mô tả việc gửi thông điệp hóa đơn không mã đến cơ quan thuế	Kiểm thử gửi thông điệp đến cơ quan thuế

STT	Nội dung hồ sơ	Yêu cầu cần đáp ứng	
		Yêu cầu trình bày tại hồ sơ chứng minh đáp ứng	Yêu cầu chứng minh thực tế
	phương thức truyền nhận với cơ quan thuế.		
5.6	Truyền nhận thông điệp gửi dữ liệu hoá đơn bán hàng không mã đến cơ quan thuế theo đúng quy định về thành phần dữ liệu hóa đơn điện tử và phương thức truyền nhận với cơ quan thuế.	Mô tả việc gửi thông điệp hóa đơn không mã đến cơ quan thuế	Kiểm thử gửi thông điệp đến cơ quan thuế
5.7	Truyền nhận thông điệp gửi dữ liệu hoá đơn khác không mã đến cơ quan thuế theo đúng quy định về thành phần dữ liệu hóa đơn điện tử và phương thức truyền nhận với cơ quan thuế.	Mô tả việc gửi thông điệp hóa đơn không mã đến cơ quan thuế	Kiểm thử gửi thông điệp đến cơ quan thuế
5.8	Truyền nhận thông điệp gửi thông báo hóa đơn điện tử có sai sót đến cơ quan thuế theo đúng quy định về thành phần dữ liệu hóa đơn điện tử và phương thức truyền nhận với cơ quan thuế.	Mô tả việc gửi thông điệp đến cơ quan thuế	Kiểm thử gửi thông điệp đến cơ quan thuế
5.9	Truyền nhận thông điệp gửi bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn đến cơ quan thuế theo đúng quy định về thành phần dữ liệu hóa đơn điện tử và phương thức truyền nhận với cơ quan thuế.		
		Mô tả việc gửi thông điệp đến cơ quan thuế	Kiểm thử gửi thông điệp đến cơ quan thuế
		Mô tả việc tiếp nhận và xử lý thông điệp thông báo kết quả	Kiểm thử việc tiếp nhận và

STT	Nội dung hồ sơ	Yêu cầu cần đáp ứng	
		Yêu cầu trình bày tại hồ sơ chứng minh đáp ứng	Yêu cầu chứng minh thực tế
		kiểm tra dữ liệu hóa đơn điện tử của cơ quan thuế.	xử lý thông điệp thông báo kết quả kiểm tra dữ liệu hóa đơn điện tử của cơ quan thuế.